

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025.

UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; xác định nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương trong triển khai Chương trình, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp tập trung, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội có trọng tâm, trọng điểm đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), nhất là địa bàn các xã đặc biệt khó khăn (ĐBK), thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK), đảm bảo để các xã, thôn thoát nghèo bền vững, đạt mục tiêu giảm 03% tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 vùng đồng bào DTTS &MN trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc xác định nhiệm vụ thực hiện phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương; đảm bảo

đúng mục tiêu, đối tượng, phù hợp với điều kiện, khả năng, nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Xác định nội dung nhiệm vụ phải gắn với trách nhiệm và phát huy tính chủ động, tích cực của các sở, ban, ngành, địa phương; sự tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh trong triển khai thực hiện Chương trình.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện Chương trình

Kế hoạch này được áp dụng đối với các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh, trong đó, ưu tiên địa bàn các xã khu vực III ĐBKK, xã khu vực II biên giới, thôn, bản ĐBKK của xã khu vực II, khu vực I; xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Đối tượng của Chương trình

Xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn xã, thôn ĐBKK và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

Đối tượng, phạm vi, địa bàn thụ hưởng cụ thể từng dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐTTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Thời gian thực hiện: năm 2022.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) *Mục tiêu:* hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt cho hộ dân tộc thiểu số (DTTS) nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở, chưa có nhà ở hoặc có nhà ở bị dột nát, hư hỏng; sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo DTTS thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, hộ nghèo có chủ hộ là nữ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và địa bàn sinh sống.

b) *Nội dung:* thực hiện hỗ trợ đất ở cho 40 hộ; hỗ trợ nhà ở cho 266 hộ; hỗ trợ đất sản xuất cho 35 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 245 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 125 hộ; đầu tư 24 công trình nước sinh hoạt tập trung.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 52.953 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 38.632 triệu đồng (ngân sách trung ương: 36.796 triệu đồng, ngân sách huyện: 1.836 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 14.321 triệu đồng (ngân sách trung ương).

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) *Mục tiêu:* hộ gia đình vùng đồng bào DTTS&MN được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) *Nội dung:* thực hiện hỗ trợ các dự án bố trí ổn định dân cư (đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung; hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình; hỗ trợ cộng đồng bố trí dân xen ghép). Dự kiến khởi công 02 dự án tại huyện Trảng Định; khảo sát, lập dự án đầu tư 02 dự án (huyện Chi Lăng); khảo sát, lập dự án đầu tư, khởi công 02 dự án (huyện Bình Gia); tiếp tục đầu tư 01 dự án (huyện Lộc Bình).

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 35.871 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển), trong đó: ngân sách trung ương 34.163 triệu đồng, ngân sách huyện 1.708 triệu đồng).

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) *Mục tiêu:* hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán; tạo việc làm, tăng thu nhập từ nghề rừng, hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần duy trì ổn định nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh lên 65% vào năm 2025, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

b) *Nội dung:* thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: 36.748,40 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình: 100.668,5 ha; hỗ trợ khoanh nuôi có rừng trồng bổ sung 40 ha.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 61.910 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

3.2. **Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) *Mục tiêu:*

- Nội dung số 01: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng trong tỉnh; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nội dung số 03: thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào DTTS dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

b) *Nội dung:*

- Nội dung số 01: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: các hộ nghèo, cận nghèo, các doanh nghiệp thuộc địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được tạo việc làm nâng cao thu nhập; được hỗ trợ tập huấn kiến thức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; được hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp,...

- Nội dung số 03: thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS; tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 29.121 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

Tổng kế hoạch vốn giao để thực hiện Dự án 3 là 91.031 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

4.1. **Tiểu Dự án 1:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) *Mục tiêu*: tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã ĐBKK, các thôn ĐBKK; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 92,8% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông (168/181 xã); 72% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa (1.097/1.523 thôn); 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99,6% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

b) *Nội dung*:

- Nội dung số 01: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi. Đầu tư xây dựng mới 01 công trình trạm y tế xã; nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho 17 trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn; đầu tư cứng hóa 50,0 km đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa. Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã ĐBKK trên cùng địa bàn; xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trực động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã ĐBKK nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào DTTS&MN. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn ĐBKK và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

- Nội dung số 02: đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN: hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN. Trong năm 2022 thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 03 công trình chợ vùng DTTS&MN, cụ thể: chợ Văn Mịch, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia; chợ Lương Năng, xã Lương Năng, huyện Văn Quan; chợ Bản Châu, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện*: 285.270 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 273.584 triệu đồng (ngân sách trung ương 260.555 triệu đồng; ngân sách huyện 13.029 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 11.686 triệu đồng (ngân sách trung ương).

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) *Mục tiêu:* củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy, học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

b) *Nội dung:* nâng cấp, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất 70 phòng công vụ giáo viên; 300 phòng ở học sinh; 108 phòng quản lý cho học sinh; 130 phòng học thông thường và bộ môn; 90 nhà bếp, nhà ăn; 85 nhà kho; 108 nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa; 94 công trình vệ sinh, nước sạch và 141 công trình phụ trợ khác. Mở 30 lớp bồi dưỡng, tập huấn về nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú; về xóa mù chữ, xây dựng chương trình xóa mù chữ, cấp phát tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho 585 người; mua sắm trang thiết bị cho trường chuyên biệt.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 64.934 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 60.290 triệu đồng (ngân sách trung ương 57.419 triệu đồng, ngân sách tỉnh 218 triệu đồng, ngân sách huyện 2.653 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 4.644 triệu đồng (ngân sách trung ương).

5.2. Tiêu dự án 2: bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) *Mục tiêu:* nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào DTTS&MN. Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.

b) *Nội dung:*

- Nội dung số 01: bồi dưỡng kiến thức dân tộc: thực hiện mở các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 10 lớp với 1.000 người là cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 và đối tượng 4 hưởng lương từ NSNN; 35 lớp với 3.500 người thuộc nhóm đối tượng 4 không hưởng lương từ NSNN; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc. Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nội dung số 02: đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN: đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học cho cho 30 đối tượng là người DTTS nhằm góp phần xây dựng đội

ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 7.648 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương), trong đó: vốn thực hiện nội dung số 01 là 4.193 triệu đồng, vốn thực hiện nội dung số 02 là 3.455 triệu đồng.

5.3. Tiểu dự án 3: dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

b) Nội dung: hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo; tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 39.874 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

5.4. Tiểu dự án 4: đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Mục tiêu: đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình ở các cấp. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho Ban giám sát đầu tư cộng đồng, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người DTTS và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

b) Nội dung: đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho trên 1.300 cán bộ, trên 10.000 đối tượng là cộng đồng tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh

nghiệm cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan tổ chức chủ trì, liên quan tham gia thực hiện Chương trình để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 6.904 triệu đồng (vốn sự nghiệp NSTW).

Nguồn vốn kế hoạch giao để thực hiện Dự án 5: 119.360 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 60.290 triệu đồng (ngân sách trung ương 57.419 triệu đồng, ngân sách tỉnh 218 triệu đồng, ngân sách huyện 2.653 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 59.070 triệu đồng (ngân sách trung ương).

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Mục tiêu: khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào DTTS&MN để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

b) Nội dung: thực hiện hỗ trợ đầu tư 01 dự án bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS. Hỗ trợ đầu tư xây dựng 10 thiết chế thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN. Xây dựng 01 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư. Tổ chức 01 hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS. Hỗ trợ 01 cuộc tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào DTTS&MN kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS&MN. Xây dựng 03 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ hoạt động cho 20 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN; hỗ trợ 11 nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS. Hỗ trợ trang thiết bị cho 05 nhà văn hóa thôn vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ, đầu tư 01 dự án chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 13.588 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 9.457 triệu đồng (ngân sách trung ương 9.004 triệu đồng, ngân sách tỉnh 293 triệu đồng, ngân sách huyện 160 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 4.131 triệu đồng (ngân sách trung ương).

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Mục tiêu: cải thiện sức khỏe của người DTTS về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Nội dung:

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN: đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện (Trung tâm Y tế huyện Bình Gia); đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã; đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã; hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản; hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm;

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN: phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS&MN; đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào DTTS&MN, khu vực biên giới; nâng cao năng lực quản lý dân số; phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS: chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ, trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS; chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 10.936 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 5.667 triệu đồng (ngân sách trung ương 5.397 triệu đồng, ngân sách tỉnh 270 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 5.269 triệu đồng (ngân sách trung ương).

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Mục tiêu: nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

b) Nội dung:

- Tổ chức các hội nghị triển khai thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”: tổ chức 01 hội nghị tập huấn cấp tỉnh cho cán bộ chủ chốt thành phần là đại biểu các sở ngành, đại biểu UBND, huyện ủy, Hội LHPN các huyện, phòng LĐTB&XH huyện, tỉnh (số lượng 70 người/lớp, thời gian 3 ngày). Tổ chức 10 hội nghị tập huấn tại các huyện: thành phần là các ban ngành của huyện, lãnh đạo các xã, chủ tịch Hội LHPN các xã (số lượng: 80 người/lớp, thời gian 02 ngày).

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: thành lập 115 mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo thu nhập và lồng ghép giới gồm các hoạt động: tập huấn TOT hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản theo sổ tay hướng dẫn của trung ương cho cán bộ Hội

cấp tỉnh, huyện tại tỉnh. Tuyên truyền giới thiệu về tổ tiết kiệm và vay vốn thôn bản với các lãnh đạo xã, thôn (23 xã). Tuyên truyền vận động thành lập tổ tiết kiệm tín dụng thôn bản, giới thiệu về hoạt động của tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản: mỗi tổ 01 cuộc (115 cuộc). Hỗ trợ thành lập mới 115 tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản. Tập huấn, hướng dẫn vận hành tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản (cầm tay chỉ việc) theo sổ tay hướng dẫn của trung ương: các thành viên trong ban quản lý tổ, mỗi tổ 05 người (số lượng: 23 lớp/23 xã).

- Hỗ trợ ứng dụng KHCCN để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số: tổ chức tuyên truyền giới thiệu và hướng dẫn triển khai các hoạt động hỗ trợ của dự án đối với các mô hình sinh kế của phụ nữ, hướng dẫn xây dựng hồ sơ/kế hoạch tại huyện cho đối tượng là cán bộ hội các cấp (số lượng: 35 người/lớp x 01 ngày x 10 lớp). Tập huấn cung cấp những kiến thức, kỹ năng bán hàng, quảng bá sản phẩm và dịch vụ trên sàn thương mại điện tử cho THT/HTX, các hộ kinh doanh cá thể và phụ nữ dân tộc thiểu số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và du lịch; xây dựng chiến lược, marketing online đối với các sản phẩm OCOP tại tỉnh (số lượng: 50 người/lớp x 02 lớp x 02 ngày/lớp). Tổ chức sự kiện: trưng bày, giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm OCOP và nông nghiệp nông thôn tiêu biểu.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 11.785 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiêu Dự án 1: đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) Mục tiêu: hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Nội dung: thực hiện hỗ trợ mua cây, con giống phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ DTTS còn nhiều khó khăn (77 hộ dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh).

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 106 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

9.2. Tiêu Dự án 2: giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong

vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội đã được tập huấn, trang bị kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Trong năm, giảm 2% - 3% số cặp tảo hôn đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao.

b) Nội dung: tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng DTTS. Duy trì 02 mô hình tại xã Ái Quốc và xã Nhượng Bàn (nay thuộc xã Thống Nhất) huyện Lộc Bình. Triển khai nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức 03 hội nghị tại tỉnh; 10 hội nghị tại huyện; 50 hội nghị tại cơ sở cho trên 1.700 người liên quan thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Biên soạn, cung cấp tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về Luật Hôn nhân và gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số. Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện truyền thông và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng dân tộc thiểu số. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia thực hiện Đề án.

c) Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện: 2.180 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

Nguồn vốn kế hoạch giao để thực hiện Dự án 9 là 2.286 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiêu dự án 1: biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

a) Mục tiêu:

- Nội dung số 01: biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng

bào DTTS&MN. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

- Nội dung số 02: phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân. Sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại. Tuyên truyền về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, qua đó, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, tăng cường, củng cố niềm tin của toàn dân đối với Đảng, Nhà nước. Quảng bá các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại. Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN tỉnh Lạng Sơn.

- Nội dung số 03: tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN: bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

b) Nội dung:

- Nội dung số 01: biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín: tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, vận động, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến. Cấp huyện và cấp tỉnh tổ chức hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN (cấp tỉnh 01 cuộc biểu dương, 05 hội nghị tập huấn và tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; cấp huyện mỗi đơn vị 01 cuộc biểu dương 01 hội nghị tập huấn; thời gian dự kiến tổ chức xong trong quý IV năm 2022).

- Nội dung số 02: phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: tổ chức hội nghị tập huấn, lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù, tiêu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình. Nhiệm vụ cụ thể:

+ Nhiệm vụ 1: tổ chức hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật; nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho 100% cán bộ, công chức tại 199 xã, thị trấn (trừ xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng).

+ Nhiệm vụ 2: bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho trên 30% đối tượng: Bí thư chi bộ; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; cán bộ, hội viên các chi hội, đoàn thể ở cơ sở; hòa giải viên ở cơ sở; người có uy tín trong đồng bào DTTS; tuyên truyền viên pháp luật tại 199 xã (trừ xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng).

+ Nhiệm vụ 3: biên soạn và phát hành các ấn phẩm: 01 cuốn “sổ tay pháp luật”; 04 tờ gấp pháp luật và 02 video clip tuyên truyền, phổ biến pháp luật cấp phát miễn phí cho cán bộ và Nhân dân.

- Nội dung số 03: tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN: nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý vùng đồng bào DTTS&MN; xây dựng các chương trình trợ giúp pháp lý, tập huấn về tiếp cận, kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS; tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS&MN; biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS. Nhiệm vụ cụ thể:

+ Nhiệm vụ 1: tổ chức truyền thông về trợ giúp pháp lý trực tiếp tại 10 xã điểm vùng DTTS&MN.

+ Nhiệm vụ 2: tổ chức 11 cuộc tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng DTTS&MN tại 11 huyện, thành phố.

+ Nhiệm vụ 3: xây dựng 01 phóng sự về trợ giúp pháp lý để phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, đăng trên Báo Lạng Sơn, trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật... để hướng dẫn đồng bào DTTS&MN tiếp cận với dịch vụ pháp luật.

+ Nhiệm vụ 4: tổ chức 05 đợt chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ thuộc các cơ quan liên quan; 05 đợt chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm cho cán bộ cơ sở, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Nhiệm vụ 5: biên soạn, cung cấp các ấn phẩm, tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý, cấp phát cho cán bộ và Nhân dân.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực:* 5.155 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) *Mục tiêu:* hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030

b) *Nhiệm vụ:* tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo,...; thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự (thiết lập mới đài truyền thanh ứng dụng viễn thông – công nghệ thông tin tại UBND các xã, chuyển đổi đài truyền thanh FM sang đài truyền thanh ứng dụng viễn thông - công nghệ thông tin,...); hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 8.921 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 7.882 triệu đồng (ngân sách trung ương 7.507 triệu đồng, ngân sách tỉnh 375 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 1.039 triệu đồng (ngân sách trung ương).

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) *Mục tiêu:* thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) *Nhiệm vụ:* xây dựng bộ chỉ số theo dõi thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình; tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình; tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

c) *Dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện:* 1.525 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương).

Kế hoạch giao để thực hiện Dự án 10 là: 15.601 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 7.882 triệu đồng (ngân sách trung ương 7.507 triệu đồng, ngân sách tỉnh 375 triệu đồng). Vốn sự nghiệp: 7.719 triệu đồng (ngân sách trung ương).

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình năm 2022 là: 649.046 triệu đồng,

trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: 431.383 triệu đồng (ngân sách trung ương 410.841 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.156 triệu đồng, ngân sách huyện 19.386 triệu đồng).

- Nguồn vốn sự nghiệp: 217.663 triệu đồng (ngân sách trung ương 207.298 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.486 triệu đồng, ngân sách huyện 8.879 triệu đồng).

(Chi tiết theo hệ thống biểu gửi kèm).

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV gắn với thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản liên quan khác của tỉnh về công tác dân tộc; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng DTTS&MN, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên cho các địa bàn còn hạn chế về cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, không để trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch khác.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

4. Cấp huyện, cấp xã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa để phát triển; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội phục vụ

đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh; trọng tâm là các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái...

6. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu được duyệt, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS&MN để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban Dân tộc theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN.

9. Cơ bản hoàn thành việc quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí các hộ đang cư trú phân tán rải rác trong rừng đặc dụng, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS.

10. Chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai các chương trình cho vay các đối tượng chính sách, đặc biệt là các chính sách vay vốn cho hộ DTTS là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo,... nhằm góp phần hỗ trợ đồng bào DTTS, phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

11. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành. Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực hiện Kế hoạch; làm tốt công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là đầu mối thống nhất theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, tổng hợp nhu cầu của UBND các huyện, thành phố, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2022 đảm bảo thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch này gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại các huyện và các sở, ngành báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra.

- Tiến hành sơ kết, đánh giá các chỉ tiêu trong Kế hoạch, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rà soát, đề xuất, điều chỉnh bổ sung các dự án đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; tham mưu xây dựng quyết định của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Tổng hợp phân vốn đầu tư công (ĐTPT) nguồn NSNN (NSTW, NSDP) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, tổng hợp chung Kế hoạch (mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn, hằng năm trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh phê duyệt;

- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

- Tổng hợp, báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 5 năm, thực hiện nhập hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo thời hạn yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương và cân đối, bố trí nguồn vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho Chương trình, đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của trung ương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành khác

Các sở, ban, ngành theo phân công cụ thể tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra; đề xuất giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu các dự án, tiểu dự án do đơn vị phụ trách. Đồng thời, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất theo quy định. Lồng ghép dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các

nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh

- Hướng dẫn, kiểm tra và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện giải ngân vốn theo quy định.

- Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp tình hình giải ngân các dự án báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đồng thời gửi Ban Dân tộc tỉnh).

6. Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; đặc biệt là đối với vùng biên giới, vùng ATK, vùng ĐBKK.

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về việc triển khai thực hiện kế hoạch. Kịp thời nêu những gương điển hình người tốt, việc tốt, các mô hình phát triển kinh tế xã hội tiêu biểu trong đồng bào DTTS và những gương điển hình về thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, huy động đoàn viên, hội viên, đồng đảo quần chúng Nhân dân và các nguồn lực xã hội tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Tổ chức thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội theo quy định.

8. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời, chủ động hướng dẫn và triển khai thực hiện các chính sách, đề án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

- Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

9. Chế độ thông tin báo cáo

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc) để theo dõi, quản lý và tổng hợp báo cáo. Giao Ban Dân tộc tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 01/12/2022.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó

khẩn, vướng mắc đề nghị báo cáo bằng văn bản về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban Xây dựng đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM,
Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KT (PVĐ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

Biểu 1: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2022 TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Kế hoạch số: 188 /KH-UBND ngày 02 / 9 /2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)



TT	Dự án	Tổng vốn năm 2022	Tổng vốn ĐTPT (Chi tiết tại Biểu 2, Biểu 3)				Tổng vốn SN (Chi tiết tại Biểu 4, Biểu 5)				Ghi chú
			Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	
I	2	3=4+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng vốn Chương trình	649,046	431,383	410,841	1,156	19,386	217,663	207,298	1,486	8,879	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	52,953	38,632	36,796		1,836	14,321	14,321			
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	35,871	35,871	34,163		1,708	-				
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	91,031	-				91,031	91,031			
	Tiêu Dự án 1	61,910					61,910	61,910			
	Tiêu Dự án 2	29,121					29,121	29,121			
	Tiêu Dự án 3	-					-				
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	285,270	273,584	260,555		13,029	11,686	11,686			
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	119,360	60,290	57,419	218.0	2,653	59,070	59,070			
	Tiêu Dự án 1	64,934	60,290	57,419	218	2,653	4,644	4,644			
	Tiêu Dự án 2	7,648					7,648	7,648			
	Tiêu Dự án 3	39,874					39,874	39,874			
	Tiêu Dự án 4	6,904					6,904	6,904			
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	13,588	9,457	9,004	293	160	4,131	4,131			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10,936	5,667	5,397	270		5,269	5,269			
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	11,785	-	-			11,785	11,785			
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	2,286	-	-			2,286	2,286			
	Tiêu dự án 1	106					106	106			
	Tiêu dự án 2	2,180					2,180	2,180			

TT	Dự án	Tổng vốn năm 2022	Tổng vốn ĐTPT (Chi tiết tại Biểu 2, Biểu 3)				Tổng vốn SN (Chi tiết tại Biểu 4, Biểu 5)				Ghi chú
			Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	15,601	7,882	7,507	375		7,719	7,719			
	Tiêu dự án 1	5,155					5,155	5,155			
	Tiêu dự án 2	8,921	7,882	7,507	375		1,039	1,039			
	Tiêu dự án 3:	1,525					1,525	1,525			

Biểu 2: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2022 TỈNH LẠNG SƠN*(Kèm theo Kế hoạch số: 188 /KH-UBND ngày 02 / 9 /2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Dự án	Tổng vốn ĐTPT	Cơ quan cấp tỉnh (Chi tiết tại Biểu 3)	Bắc Sơn	Bình Gia	Văn Quan	Chi Lăng	Hữu Lũng	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Tràng Định	Văn Lãng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng vốn Chương trình	431,383	24,267	29,873	52,719	39,860	36,296	46,079	35,311	41,488	29,361	66,117	30,012
	Ngân sách trung ương	410,841	23,111	28,450	50,209	37,962	34,567	43,886	33,630	39,512	27,963	62,969	28,582
	Ngân sách địa phương đối ứng	20,542	1,156	1,423	2,510	1,898	1,729	2,193	1,681	1,976	1,398	3,148	1,430
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	38,632	-	1,507	4,417	8,713	3,711	6,695	2,443	3,002	2,094	2,733	3,317
1	Vốn Trung ương	36,796	-	1,435	4,207	8,298	3,534	6,377	2,328	2,860	1,995	2,603	3,159
2	Ngân sách địa phương đối ứng ND hỗ trợ đất ở, nhà ở 10%, nội dung khác 5%	1,836	-	72	210	415	177	318	115	142	99	130	158
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	35,871	-	-	4,778	-	6,506	-	-	2,111	-	20,767	-
1	Vốn Trung ương	34,163	-	-	4,779	-	6,506	-	-	2,111	-	20,767	-
2	Ngân sách địa phương đối ứng 5%	1,708	-	-	239	-	325	-	-	106	-	1,038	-
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	273,584	-	23,284	36,649	24,805	21,334	33,900	26,199	29,501	22,398	34,227	21,287
1	Vốn Trung ương	260,555	-	22,175	34,904	23,624	20,318	32,286	24,951	28,096	21,331	32,597	20,273
2	Ngân sách địa phương đối ứng 5%	13,029	-	1,109	1,745	1,181	1,016	1,614	1,248	1,405	1,067	1,630	1,014
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	60,290	4,572	4,751	6,303	6,011	4,089	5,153	6,338	6,437	4,538	7,021	5,077
1	Ngân sách Trung ương	57,419	4,354	4,525	6,003	5,725	3,894	4,908	6,036	6,130	4,322	6,687	4,835
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	57,419	4,354	4,525	6,003	5,725	3,894	4,908	6,036	6,130	4,322	6,687	4,835
2	Ngân sách địa phương đối ứng 5%	2,871	218	226	300	286	195	245	302	307	216	334	242

**Biểu 3: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN
NĂM 2022 KHỐI TỈNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 188 /KH-UBND ngày 02 / 9 /2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Tổng kế hoạch vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng 5%	Sở, ban, ngành thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	4,572	4,354	218		
I	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>	4,572	4,354	218	Sở Giáo dục và đào tạo	UBND tỉnh phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	6,146	5,853	293	Sở Văn hóa	
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	5,667	5,397	270	Sở Y tế	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	7,882	7,507	375		
2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	7,882	7,507	375	Sở Thông tin và truyền thông	
	Tổng cộng	24,267	23,111	1,156		

BIỂU 4: KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PTKTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MN NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: 188 /KH-UBND ngày 02 / 9 /2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán NSTW giao	Dự toán địa phương giao	Trong đó													Ghi chú
				Các Sở, ban, ngành tỉnh (Chi tiết theo Biểu 5)	Các huyện, thành phố	Trong đó											
						Hữu Lũng	Chi Lăng	Thành phố	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Văn Lãng	Tràng Định	Văn Quan	Bình Gia	Bắc Sơn	
A	B	1	2	3	4=5+...+15	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	207,298	217,663	31,214	186,449	12,086	15,369	1,826	18,883	18,289	9,793	21,647	25,407	17,701	29,216	16,232	
	NSTW	207,298	207,298	29,728	177,570	11,510	14,637	1,739	17,984	17,418	9,327	20,616	24,197	16,858	27,825	15,459	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	14,321	14,321		14,321	1,252	2,079		542	2,126	41	6,751	608	466	193	263	
	Gồm:				14,321	1,252	2,079		542	2,126	41	6,751	608	466	193	263	
	Sự nghiệp giáo dục	6,027	6,027		6,027	527	875		228	895	17	2,841	256	196	81	111	
	Sự nghiệp kinh tế	3,106	3,106		3,106	271	451		118	461	9	1,464	132	101	42	57	
	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	5,188	5,188		5,188	454	753		196	770	15	2,446	220	169	70	95	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Sự nghiệp kinh tế)	91,031	91,031	3,161	87,870	3,971	6,702		7,255	7,685	3,536	6,897	15,705	9,785	18,009	8,325	
1	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	61,910	61,910	3,161	58,749	1,368	4,190		4,147	4,147	1,881	4,275	12,021	6,413	14,108	6,199	
2	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	29,121	29,121		29,121	2,603	2,512		3,108	3,538	1,655	2,622	3,684	3,372	3,901	2,126	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Sự nghiệp kinh tế)	11,686	11,686		11,686	1,004	949		1,205	1,354	672	1,024	1,441	1,280	1,494	1,263	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Sự nghiệp giáo dục)	59,070	59,070	13,462	45,608	3,492	3,349	1,343	7,056	4,230	4,043	4,376	4,404	3,570	6,142	3,603	
1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	4,644	4,644	2,322	2,322					623		891	798			10	

TT	NỘI DUNG	Dự toán NSTW giao	Dự toán địa phương giao	Trong đó													Ghi chú
				Các Sở, ban, ngành tỉnh (Chi tiết theo Biểu 5)	Các huyện, thành phố	Trong đó											
						Hữu Lũng	Chi Lăng	Thành phố	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Văn Lãng	Tràng Định	Văn Quan	Bình Gia	Bắc Sơn	
A	B	1	2	3	4=5+...+15	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	7,648	7,648	7,648													
3	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	39,874	39,874	40	39,834	3,190	3,061	1,343	6,717	3,191	3,862	3,190	3,190	3,191	5,709	3,190	
4	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	6,904	6,904	3,452	3,452	302	288		339	416	181	295	416	379	433	403	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	4,131	4,131	2,685	1,446	167	76	174	189	98	98	144	68	45	46	341	
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Sự nghiệp y tế)	5,269	5,269	0	5,269	558	520	102	562	626	273	455	622	528	601	422	
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	11,785	11,785	4,243	7,542	665	611	0	757	864	452	645	930	837	917	864	
	Gồm:				7,542	665	611	0	757	864	452	645	930	837	917	864	
	Sự nghiệp kinh tế	7,506	7,506	2,357	5,149	454	417	0	517	590	309	440	635	571	626	590	
	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	4,279	4,279	1,886	2,393	211	194	0	240	274	143	205	295	266	291	274	
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù (Sự nghiệp kinh tế)	2,286	2,286	1,414	872	74	59	27	97	104	43	69	83	76	116	124	
1	Tiêu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	106	106	106													
2	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2,180	2,180	1,308	872	74	59	27	97	104	43	69	83	76	116	124	
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	7,719	7,719	4,763	2,956	327	292	93	321	331	169	255	336	271	307	254	

TT	NỘI DUNG	Dự toán NSTW giao	Dự toán địa phương giao	Trong đó													Ghi chú
				Các Sở, ban, ngành tỉnh (Chi tiết theo Biểu 5)	Các huyện, thành phố	Trong đó											
						Hữu Lũng	Chi Lăng	Thành phố	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Văn Lãng	Tràng Định	Văn Quan	Bình Gia	Bắc Sơn	
A	B	1	2	3	4=5+...+15	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	5,155	5,155	3,093	2,062	238	207	83	228	218	124	176	228	176	197	187	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	1,039	1,039	831	208	19	19	0	21	28	10	19	26	24	28	14	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Sự nghiệp kinh tế)	1,525	1,525	839	686	70	66	10	72	85	35	60	82	71	82	53	
	NSDP đối ứng		10,365	1,486	8,879	576	732	87	899	871	466	1,031	1,210	843	1,391	773	

**Biểu 5: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PTKTXH VÙNG ĐBĐTTTS VÀ MN
NĂM 2022 THEO LĨNH VỰC CHI KHỐI TỈNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 188 /KH-UBND ngày 02 / 9 /2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Vốn sự nghiệp			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng 5%	
	Tổng cộng	31,214.0	29,728.0	1,486.0	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Sự nghiệp kinh tế)	3,319.1	3,161.0	158.1	
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	3,319.1	3,161.0	158.1	
	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>3,319.1</i>	<i>3,161.0</i>	<i>158.1</i>	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Sự nghiệp giáo dục)	14,134.7	13,462.0	672.7	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2,438.1	2,322.0	116.1	
	<i>Sở Giáo dục và đào tạo</i>		<i>2,322.0</i>	<i>116.1</i>	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	8,030.0	7,648.0	382.0	
	<i>Ban Dân tộc</i>		<i>7,648.0</i>	<i>382.0</i>	
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	42.0	40.0	2.0	
	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>42.0</i>	<i>40.0</i>	<i>2.0</i>	
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	3,624.6	3,452.0	172.6	
	<i>Ban Dân tộc</i>	<i>3,624.6</i>	<i>3,452.0</i>	<i>172.6</i>	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	2,819.3	2,685.0	134.3	
	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>2,819.3</i>	<i>2,685.0</i>	<i>134.3</i>	

TT	Dự án	Vốn sự nghiệp			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng 5%	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	4,455.2	4,243.0	212.2	
1	Sự nghiệp kinh tế	2,474.9	2,357.0	117.9	
	<i>Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh</i>	2,474.9	2,357.0	117.9	
2	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	1,980.3	1,886.0	94.3	
	<i>Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội</i>	1,238.0	1,179.0	59.0	
	<i>Ban Dân tộc</i>	742.4	707.0	35.4	
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù (Sự nghiệp kinh tế)	1,484.7	1,414.0	70.7	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	111.3	106.0	5.3	
	<i>Ban Dân tộc</i>	111.3	106.0	5.3	
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,373.4	1,308.0	65.4	
	<i>Ban Dân tộc</i>	1,373.4	1,308.0	65.4	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	5,001.2	4,763.0	238.2	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	3,247.7	3,093.0	154.7	
	<i>Ban Dân tộc</i>	1,082.6	1,031.0	51.6	
	<i>Sở Tư pháp</i>	1,082.6	1,031.0	51.6	
	<i>Sở Thông tin và truyền thông</i>	1,082.6	1,031.0	51.6	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	872.6	831.0	41.6	
	<i>Sở Thông tin và truyền thông</i>	872.6	831.0	41.6	

TT	Dự án	Vốn sự nghiệp			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng 5%	
3	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Sự nghiệp kinh tế)	881.0	839.0	42.0	
3.1	Ban Dân tộc	233.1	222.0	11.1	
3.2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	63.0	60.0	3.0	
3.3	Sở Nông nghiệp và PTNT	63.0	60.0	3.0	
3.4	Sở Giáo dục và Đào tạo	44.1	42.0	2.1	
3.5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44.1	42.0	2.1	
3.6	Sở Tư pháp	44.1	42.0	2.1	
3.7	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	44.1	42.0	2.1	
3.8	Hội Nông dân	35.7	34.0	1.7	
3.9	Sở Thông tin và truyền thông	44.1	42.0	2.1	
3.10	Sở Y tế	44.1	42.0	2.1	
3.11	Sở Công Thương	35.7	34.0	1.7	
3.12	Sở Giao thông vận tải	35.7	34.0	1.7	
3.13	Sở Tài nguyên và Môi trường	35.7	34.0	1.7	
3.14	Sở Khoa học và Công nghệ	26.3	25.0	1.3	
3.15	UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh	88.2	84.0	4.2	